

Đak Doa, ngày 28 tháng 11 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

V/v mời các đơn vị sản xuất, kinh doanh tham gia báo giá các mặt hàng thuộc Kế hoạch mua sắm : “Vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm, nha khoa, thiết bị và Oxy y tế sử dụng năm 2025-2026 của Trung tâm y tế huyện Đak Doa”

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Công văn số 3716/SYT-KHTC ngày 22/11/2024 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt chủ trương mua sắm Vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, nha khoa, thiết bị và oxy y tế sử dụng năm 2025-2026 của Trung Tâm Y Tế huyện Đak Doa;

Căn cứ Nghị quyết 52/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) của Tỉnh Gia Lai.

Trung tâm Y tế huyện Đak Doa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Kế hoạch: “Vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm, nha khoa, thiết bị và Oxy y tế sử dụng năm 2025-2026 của Trung tâm y tế huyện Đak Doa (Phụ lục kèm theo). Chúng tôi kính mời các đơn vị có quan tâm đến công việc nêu trên gửi báo giá đến trung tâm, cụ thể:

Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Đak Doa, tỉnh Gia Lai

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ds Nông Lê Trung – Trưởng Khoa Dược-TTB-VTYT.

SĐT: 0934969977

Email: ttyt.dakdoa@gialai.gov.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: 146 Wừu – Thị trấn Đak Doa – Huyện Đak Doa – tỉnh Gia Lai.

- Nhận qua Email: ttyt.dakdoa@gialai.gov.vn

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 28/11/2024 đến trước 16h00 ngày 12/12/2024.

Các báo giá nhận được sau thời gian nêu trên sẽ không được xem xét.

Ghi chú: Báo giá của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có)

Rất mong nhận được báo giá của đơn vị.

Trân trọng!

Nơi nhận:

-Quý doanh nghiệp tư vấn thẩm định giá trong và ngoài tỉnh Gia Lai;

-Lưu: VT, KD-TTB-VTTYT.

GIÁM ĐỐC



BS. Vũ Chí Hùng

PHỤ LỤC DANH MỤC

(Kèm theo Thư mời chào giá ngày 28 / 11/2024 của Trung tâm Y Tế huyện Đak Đoa)

Phần A: Hoá chất xét nghiệm, vật tư xét nghiệm

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
A.1	Hoá chất máy huyết học tự động 80TS			
1	Dung dịch pha loãng cho máy phân tích huyết học tự động	- Thành phần: Natri sunphat (1%), đệm photphat vô cơ (<0,6%), natri clorua (<0,3%), natri azit (<0,05%) - Đóng gói: 1x 20L - TCCL: CE, ISO 13485	Thùng	80
2	Dung dịch ly giải hồng cầu sử dụng cho máy huyết học	- Thành phần: Muối amoni bậc bốn (2,7%), chất hoạt động bề mặt (<0,05%) - Đóng gói: 2x1L - Độ bền: 36 tháng - TCCL: CE, ISO 13485	Thùng	30
3	Dung dịch rửa cho máy phân tích huyết học tự động	- Thành phần: Natri photphat (<1%), natri clorua (<1%), chất hoạt động bề mặt (<2%), natri azit (<0,05%), xanh bromocresol (<0,001%) - Đóng gói: 1L - Độ bền sau khi mở nắp: 90 ngày - TCCL: CE, ISO 13485	Hộp	20
4	Dung dịch kiểm chuẩn huyết học.	Chất kiểm chuẩn máy huyết học	Hộp	2
5	Hoá chất dùng cho máy sinh hoá tự động Monach 240			
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Uric Acid	R1: Pipes Buffer (pH 7.0) 50 mmol/l; 4-Aminoantipyrine 0.375 mmol/l; Uricase ≥200 U/l R2: Pipes Buffer (pH 7.0) 50 mmol/l; TOOS 1.92 mmol/l; Peroxidase ≥5000 U/l	Hộp	20
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CHOLESTEROL	R1: Good's Buffer 50 mmol/l; Phenol 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine 0.3 mmol/l; Cholesterol esterase ≥ 200 U/l; Cholesterol oxidase ≥ 50 U/l; Peroxidase ≥ 3 kU/l	Hộp	30
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT/GPT	R1: Tris buffer (pH 7.5) 137.5 mmol/l; L-Alanine 709 mmol/l; LDH (microbial) ≥ 2000 U/l; R2: CAPSO 20 mmol/l; 2-oxoglutarate 85 mmol/l; NADH 1.05 mmol/l	Hộp	20
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST/GOT	R1: Tris buffer (pH 7.8) 110 mmol/l; L-aspartic acid 340 mmol/l; LDH ≥ 4000 U/l; MDH ≥ 750 U/l; R2: CAPSO 20 mmol/l; 2-oxoglutarate 85 mmol/l; NADH 1.05 mmol/l	Hộp	20
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GLUCOSE	R1: Phosphate buffer 250 mmol/l; Glucose oxidase > 25 U/ml; Peroxidase > 2 U/ml; Phenol 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/l	Hộp	20
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TRIGLYCERIDES	R1: Good's buffer (pH 7.2) 50 mmol/l; 4-Chlorophenol 4 mmol/l; Mg 2+ 15 mmol/l; ATP 2 mmol/l; Glycerolkinase ≥ 0.4 KU/l; Peroxidase ≥ 2.0 KU/l; Lipoproteinlipase ≥ 2.0 KU/l; Glycerol-3-phosphate-Oxidase ≥ 0.5 KU/l; 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/l	Hộp	20
12	Hóa chất định lượng nồng độ Bilirrubin trực tiếp trong máu	R1: Sulphanilic Acid 28.87 mmol/l; HCl 23 mmol/l R2: Sodium Nitrite 2.9 mmol/l	Hộp	8

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
13	Hóa chất định lượng nồng độ Bilirubin toàn phần trong máu	R1: Sulphanilic Acid 28.87 mmol/l; HCl 58.8 mmol/l; Cetrimide 68.6 mmol/l R2: Sodium Nitrite 2.90 mmol/l	Hộp	8
14	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Calci toàn phần	R1: Arsenazo III 0.10 mmol/l; Phosphate buffer (pH 7.8 ± 0.1) 50 mmol/l	Hộp	8
15	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CREATININE	R1: Sodium Hydroxide 240 mmol/l R2: Picric Acid 26 mmol/l	Hộp	10
16	Chất chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa	Chất chuẩn cho các xét nghiệm thường quy	Hộp	2
17	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GGT trong huyết thanh	R1: Tris buffer (pH 8.25) 125 mmol/l; Glycyl Glycine 125 mmol/l; R2: L-γ-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 20 mmol/l	Hộp	10
18	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL DIRECT	R1: MES buffer (pH 6.5) 6.5 mmol/l; TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline) 3 mmol/l; Polyvinyl sulfonic acid 50 mg/l; Polyethylene-glycol-methyl ester 30 ml/l; MgCl2 2 mmol/l R2: MES buffer (pH 6.5) 50 mmol/l; Cholesterol esterase 5 kU/l; Cholesterol oxidase 20 kU/l; Peroxidase 5 kU/l; 4-aminoantipyrine 0.9 g/l	Hộp	15
19	Thuốc thử định lượng nồng độ Protein	R1: Copper II Sulphate 12 mmol/l; Potassium Sodium Tartrate 31.9 mmol/l; Potassium Iodide 30.1 mmol/l; Sodium Hydroxide 0.6 mol/l	Hộp	4
20	Thuốc thử xét nghiệm định lượng UREA	R1: Tris Buffer 100 mmol/l; α-Ketoglutarate 5.49 mmol/l; Urease (Jack Bean) ≥ 10 KU/l; GLDH (Microorganism) ≥ 3.8 KU/l; R2: NADH 1.66 mmol/l	Hộp	10
21	Chất kiểm tra giá trị bình thường các thông số xét nghiệm sinh hóa	Chất kiểm chuẩn mức bình thường	Hộp	10
22	Chất kiểm tra giá trị cao các thông số xét nghiệm sinh hóa	Chất kiểm chuẩn mức bệnh lý	Hộp	10
23	Hóa chất rửa máy sinh hóa	Nước rửa máy	Can	10
24	Bóng đèn halogen dùng cho máy sinh hoá	12V200W	Cái	12
25	Cuvette dùng cho máy phân tích sinh hóa	Cuvette dùng cho máy phân tích sinh hóa (bộ 6 cái, tổng 120 vị trí)	Bộ	2
26	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin	R1:Bromocresol green 0.21 mmol/l; Succinate Buffer 100 mmol/l; Sodium Azide 0.5 g/l	Hộp	2
27	Hoá chất dùng cho Máy xét nghiệm huyết học tự động 19 thông số			
28	Dung dịch Isotonac 3	Dùng để pha loãng máu cho máy xét nghiệm huyết học - Thành phần: Nước tinh khiết, natri sulfat khan ≥ 0.9%, Tris ≥ 0.1%	Thùng	80
29	Dung dịch Hemolynac 3N	Dùng để ly giải màng tế bào hồng cầu cho phân tích Hemoglobin - Thành phần: Nước tinh khiết, chất hoạt động bề mặt muối amoni bậc bốn 3.55% - 3.93%	Chai	30

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
30	Dung dịch Cleanac	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether	Can	15
31	Dung dịch Cleanac 3	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit	Can	8
32	Máu chuẩn 3DN	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: đỏ sẫm Độ pH: 7.0 tới 9.0 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú	Lọ	12
33	Chương trình Ngoại kiểm			
34	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Sinh hóa	Dạng đông khô, sử dụng cho chương trình ngoại kiểm	Hộp	4
35	Hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Huyết Học	Dạng lỏng, thành phần 100% máu người toàn phần, sử dụng cho chương trình ngoại kiểm	Hộp	8
	Cộng: 35 danh mục			
	Tổng cộng phần A: 35 danh mục			
Phần B: Vật tư y tế, sinh phẩm				
	B.1: Vật tư y tế tiêu hao			
1	Airway (người lớn)	Công dụng: duy trì đường thở không bị cản trở trong quá trình gây mê. Được làm từ Polyethylene không độc hại. Loại dùng cho người lớn.	Cái	100
2	Airway (sơ sinh)	Công dụng: duy trì đường thở không bị cản trở trong quá trình gây mê. Được làm từ Polyethylene không độc hại. Loại dùng cho trẻ sơ sinh.	Cái	20
3	Airway (trẻ em)	Công dụng: duy trì đường thở không bị cản trở trong quá trình gây mê. Được làm từ Polyethylene không độc hại. Loại dùng cho trẻ em	Cái	20
4	Ampu bóp bóng giúp thở người lớn	1 bóp bóng bằng PVC 1630ml cho người lớn. 1 Mặt nạ theo size tương ứng, 01 Túi trộn khí Oxy 2000ml cho người lớn. 1 Dây dẫn Oxy 200cm. Có van điều chỉnh áp lực 60 cmH2O cho người lớn.	Cái	4
5	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước	Kích thước: 24mm x 55m.	Cuộn	10

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
6	Băng cuộn 7cm x 2,5m	Kích thước: 7cm x 2,5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.	Cuộn	6.000
7	Băng dính cuộn vải lụa y tế (2,5cm x 5m)	Vải lụa trắng Acetate Taffeta, 2.5cm x 5m, thông thoáng, nhẹ nhàng và mềm mại. Phủ keo Acrylic không sót keo trên da khi tháo băng. Băng quấn vào lõi nhựa xanh, bờ răng cưa dễ xé ngang dọc.	Cuộn	3.000
8	Băng gạc vô trùng , 9cm x 25cm	Nền băng Polyester đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) mềm mại, thoáng khí. Băng 9cm x 25cm, 4 góc bo tròn tránh bung mép. Gạc 5cm x 20cm, thấm hút tốt. Phủ keo Acrylic an toàn cho mọi loại da. Tiệt trùng từng miếng bằng ethylene oxide (E.O Gas).	Miếng	1.500
9	Băng thun 2 móc (dùng trong y tế)	Kích cỡ: 8.0cm x 550cm	Cuộn	600
10	Bộ dây truyền dịch sử dụng một lần kim cánh bướm	Chất liệu: nhựa y tế có độ trong suốt dễ quan sát, thành trong dây trơn nhẵn, đồng nhất. Chỉnh được chính xác 20 giọt/ml, dài đến 150cm, chất liệu nhựa y tế mềm dẻo, đàn hồi tốt, không bị gãy.	Cái	5.000
11	Bộ rửa dạ dày	Dùng để rửa dạ dày cho bệnh nhân, số 28. Chất liệu cao su.	Bộ	12
12	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1 ml/cc, kim các cỡ	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml, kim 25G; 26G; 27G, làm bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn. Vát 3 cạnh có nắp đậy. Không chứa độc tố DEHP và chất gây sốt. Đóng trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O.	Cái	200
13	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 10 ml/cc, kim các cỡ	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 10ml. Kim 23G; 25G làm bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn. Vát 3 cạnh có nắp đậy. Pittong có khía bề gây để hủy sau khi sử dụng. Không chứa độc tố DEHP và chất gây sốt. Đóng trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O.	Cái	12.000
14	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 20 ml/cc, kim các cỡ	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 20ml. Kim 23G; 25G làm bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn. Vát 3 cạnh có nắp đậy. Pittong có khía bề gây để hủy sau khi sử dụng. Không chứa độc tố DEHP và chất gây sốt. Đóng trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O.	Cái	200
15	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5 ml/cc, kim các cỡ	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5ml. Kim 23G; 25G làm bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn. Vát 3 cạnh có nắp đậy. Pittong có khía bề gây để hủy sau khi sử dụng. Không chứa độc tố DEHP và chất gây sốt. Đóng gói ép vắ, đảm bảo vô trùng,, tiệt trùng bằng khí E.O.	Cái	70.000

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
16	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 50 ml/cc, kim các cỡ	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần dung tích 50ml, bơm tiêm làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các cỡ, sản phẩm không có chất DEHP. Đóng trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O.	Cái	50
17	Bông Gạc đắp vết thương 8cm x 20cm tiệt trùng	Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. kích thước 8 x 20cm, vô trùng.	Miếng	3.000
18	Bóng gậy mê 1l	Co nổi 22mm F, không chứa cao su. Dung tích 1 lít	Cái	4
19	Bóng gậy mê 3l	Co nổi 22mm F, không chứa cao su. Dung tích 3 lít	Cái	4
20	Bông y tế 5gr	Nguyên liệu: Bông xơ tự nhiên 100% cotton.	Gói	2.000
21	Bông y tế 100gr	Nguyên liệu: Bông xơ tự nhiên 100% cotton.	Gói	4.000
22	Bông y tế 1kg	Nguyên liệu: Bông xơ tự nhiên 100% cotton.	Kg	10
23	Bột bó	Làm từ bột thạch cao liên gạc (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton). Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút. Kích thước: 15cm x 4,6m	Cuộn	800
24	Chỉ Carelon (Nylon) số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang, dài 6 mm	Chỉ không tan tổng hợp số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6 mm	Tép	40
25	Chỉ Carelon (Nylon) số 2/0, kim tam giác, dài 26 mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm	Tép	1.000
26	Chỉ Carelon (Nylon) số 3/0, kim tam giác, dài 26 mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 3/0 dài 70cm, kim tam giác 3/8C 26mm	Tép	1.600
27	Chỉ Carelon (Nylon) số 4/0, kim tam giác, dài 19 mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 4/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 19mm	Tép	400
28	Chỉ Carelon (Nylon) số 5/0, kim tam giác, dài 16 mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 16mm	Tép	100
29	Chỉ Carelon (Nylon) số 7/0, kim tam giác, dài 13 mm	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 7/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C dài 13 mm	Tép	50
30	Chỉ Caresilk (Silk) số 2/0, kim tam giác, dài 26 mm	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi silk 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm	Tép	2.000
31	Chỉ Caresilk (Silk) số 3/0, kim tam giác, dài 18 mm	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi silk 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 18mm	Tép	1.000
32	Chỉ Caresilk (Silk) số 4/0,, kim tam giác, dài 18 mm	Chỉ không tan tự nhiên đa sợi silk 4/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 18mm	Tép	100
33	Chỉ Caresorb (Polyglactin 910) số 1, dài 90 cm, kim tròn, dài 40 mm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 1 dài 90cm, kim tròn 1/2C 40mm	Tép	400

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
34	Chỉ Caresorb (Polyglactin 910) số 2/0, kim tròn, dài 26 mm	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	Tép	400
35	Chỉ thép		cuộn	5
36	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, kim tròn, dài 26 mm	Số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm.	Tép	1.200
37	Dây cho ăn có nắp	Dùng để giảm áp dạ dày và ruột non (khi bị tắc ruột), đưa thuốc hoặc chất dinh dưỡng vào đường tiêu hoá khi bệnh nhân không tự nuốt được. Được sản xuất từ nhựa PVC, không độc hại, không gây kích ứng. Có nắp đậy. Số 14	Sợi	200
38	Dây garo	Chất liệu thun cotton, dùng thắt mạch, có khóa nhựa chắc chắn.	Cái	600
39	Dây hút nhót có khóa số 16	Được thiết kế để loại bỏ các chất nhót được tiết ra từ miệng, khí quản và dịch phế quản. Làm từ chất liệu nhựa PVC không độc hại, không gây kích ứng da dùng trong y tế. Đầu ống được mở ra với hai mắt bên. Chiều dài tiêu chuẩn: 50cm. Phân loại: dây hút đàm có khóa. Số 16	Cái	400
40	Dây hút nhót có khóa số 8	Được thiết kế để loại bỏ các chất nhót được tiết ra từ miệng, khí quản và dịch phế quản. Làm từ chất liệu nhựa PVC không độc hại, không gây kích ứng da dùng trong y tế. Đầu ống được mở ra với hai mắt bên. Chiều dài tiêu chuẩn: 50cm. Phân loại: dây hút đàm có khóa. Số 8.	Cái	800
41	Dây nối bơm tiêm Điện 140cm		Bộ	100
42	Dây oxy 2 nhánh lớn	Được sử dụng cho bệnh nhân có lưu lượng oxy thấp. Chiều dài: 2m, Đóng gói riêng biệt, tiệt trùng. Dùng cho người lớn.	Cái	2.500
43	Dây oxy 2 nhánh sơ sinh	Được sử dụng cho bệnh nhân có lưu lượng oxy thấp. Chiều dài: 2m, Đóng gói riêng biệt, tiệt trùng. Dùng cho trẻ sơ sinh.	Cái	400
44	Dây oxy 2 nhánh trẻ em	Được sử dụng cho bệnh nhân có lưu lượng oxy thấp. Chiều dài: 2m, Đóng gói riêng biệt, tiệt trùng. Dùng cho trẻ em.	Cái	2.000
45	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 4 lớp vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Kích thước: 10cm x 10cm x 4 lớp vô trùng	Miếng	3.000

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
46	Gạc phẫu thuật 5cm x 6cm x 8 lớp vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Kích thước: 5cm x 6cm x 8 lớp vô trùng, gói 10 miếng	Miếng	30.000
47	Gạc phẫu thuật ổ bụng 20cm x 80cm x 4 lớp vô trùng cản quang	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Có sợi cản quang để kiểm tra sót gạc. kích thước: 20cm x 80cm x 4 lớp vô trùng cản quang	Miếng	2.000
48	Gạc Vaseline	Kích thước: 19 x 65 mm	Miếng	3.000
49	Găng sản khoa đã tiệt trùng	Găng sản khoa đã tiệt trùng dài 500 mm sản xuất từ latex cao su thiên nhiên phủ bột chống dính, sử dụng một lần.	Đôi	500
50	Găng tay cao su y tế có bột	Làm từ cao su tự nhiên, Màu sắc: Màu trắng cao su tự nhiên, chưa tiệt trùng, có bột.	Đôi	40.000
51	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng số 6,5	Sản xuất từ cao su (Latex) thiên nhiên mềm mại, độ bền cao. Tiệt trùng bằng khí EO. Chiều dài: 280±5mm. Có phủ bột ngô biến tính chống dính. Số 6,5.	Đôi	16.000
52	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng số 7	Sản xuất từ cao su (Latex) thiên nhiên mềm mại, độ bền cao. Tiệt trùng bằng khí EO. Chiều dài: 280±5mm. Có phủ bột ngô biến tính chống dính. Số 7.	Đôi	50.000
53	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng số 7,5	Sản xuất từ cao su (Latex) thiên nhiên mềm mại, độ bền cao. Tiệt trùng bằng khí EO. Chiều dài: 280±5mm. Có phủ bột ngô biến tính chống dính. Số 7,5.	Đôi	4.000
54	Hộp an toàn	Chất liệu: Giấy Duplex ; Kích thước: 155 x 125 x 270mm; Dung tích 5 lít	Cái	900
55	Kẹp rốn	Công dụng: dùng để kẹp dây rốn trẻ sơ sinh. Chất liệu: ABS, PE, PP. Kích thước: 5cm. Tiệt trùng, không chứa DEHP	Cái	1.200
56	Khẩu trang y tế	4 lớp, chất liệu: Vải không dệt	Cái	30.000
57	Khóa ba chia có dây dài 10cm	Dây có Luer Lock tạo kết nối chắc chắn . Khóa chịu áp lực lên đến 7 bar. Ống kết nối: I,D,: 3,0mm O,D,: 4,1mm. Dài 10cm.	Cái	400

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
58	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần, Kim châm cứu là sản phẩm vô trùng Thân kim được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, đốc kim được cuốn bằng thép, các vòng xoắn tròn đều, không có gò rập, gồm các kích thước: 0.30x13mm, 0.30x25mm, 0.30x30mm, 0.30x40mm, 0.30x50mm, 0.30x60mm, 0.30x75mm	Cái	300.000
59	Kim chọc dò tủy sống số 22	Kim chọc dò tủy sống, thích hợp cho gây tê tủy sống. Dễ chọc với đầu kim vát kim cương Quincke point. Kim có tốc độ dòng chảy mượt cho phép chất lỏng trong cột sống chảy nhanh hơn. Tốc độ dòng chảy cao để phát hiện dịch não tủy chảy ra. Đốc kim trong suốt, có phản quang, có dấu hiệu nhận biết mặt vát hướng lên hoặc hướng xuống. Tiệt trùng bằng khí EO. Thông số: 22Gx3.50IN - Ø0.7x90±0.1mm.	Cái	100
60	Kim chọc dò tủy sống số 25	Kim chọc dò tủy sống, thích hợp cho gây tê tủy sống. Dễ chọc với đầu kim vát kim cương Quincke point. Kim có tốc độ dòng chảy mượt cho phép chất lỏng trong cột sống chảy nhanh hơn. Tốc độ dòng chảy cao để phát hiện dịch não tủy chảy ra. Đốc kim trong suốt, có phản quang, có dấu hiệu nhận biết mặt vát hướng lên hoặc hướng xuống. Tiệt trùng bằng khí EO. Thông số: 25Gx3.50IN - Ø0.5x90±0.1mm.	Cái	200
61	Kim chọc dò tủy sống số 27	Kim chọc dò tủy sống, thích hợp cho gây tê tủy sống. Dễ chọc với đầu kim vát kim cương Quincke point. Kim có tốc độ dòng chảy mượt cho phép chất lỏng trong cột sống chảy nhanh hơn. Tốc độ dòng chảy cao để phát hiện dịch não tủy chảy ra. Đốc kim trong suốt, có phản quang, có dấu hiệu nhận biết mặt vát hướng lên hoặc hướng xuống. Tiệt trùng bằng khí EO. Thông số: 27Gx3.50IN - Ø0.4x90±0.1mm.	Cái	600
62	Kim luồn tĩnh mạch số 18	Catheter được làm bằng chất liệu FEP. Đầu kim vát 3 mặt. Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm. Số 18	Cái	400
63	Kim luồn tĩnh mạch số 20	Catheter được làm bằng chất liệu FEP. Đầu kim vát 3 mặt. Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm. Số 20	Cái	2.000
64	Kim luồn tĩnh mạch số 22	Catheter được làm bằng chất liệu FEP. Đầu kim vát 3 mặt. Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm. Số 22	Cái	1.500
65	Kim luồn tĩnh mạch số 24	Catheter được làm bằng chất liệu FEP. Đầu kim vát 3 mặt. Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm. Số 24	Cái	6.000

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
66	Kim tiêm vô trùng sử dụng một lần, kim 18	Sử dụng một lần, cỡ kim 18G, kim sắc nhọn, làm bằng thép không gỉ, có nắp đậy, độc kim và vi đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Không có độc tố DEHP, không chất gây sốt. Đóng gói ép vi, đảm bảo vô trùng,, tiệt trùng bằng khí E.O.	Cái	20.000
67	Lưỡi dao mổ các số	Lưỡi dao làm bằng thép không rỉ, sắc bén. Mỗi lưỡi dao được bảo vệ cẩn thận bởi giấy chống ghi VCI trong mỗi gói. Lưỡi dao được tiệt trùng. Số 11, 15, 20	Cái	800
68	Mặt nạ gây mê người lớn	Thân mask được làm từ nhựa PVC không độc hại. Vành mask chụp được làm từ 100% mũ cao su tự nhiên. Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ trong từng túi. Dùng cho người lớn	Cái	10
69	Mặt nạ gây mê trẻ em	Thân mask được làm từ nhựa PVC không độc hại. Vành mask chụp được làm từ 100% mũ cao su tự nhiên. Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ trong từng túi. Dùng cho trẻ em.	Cái	10
70	Mặt nạ oxy có túi người lớn	Được làm bằng nhựa PVC, điều chỉnh mũi được, dây đeo đàn hồi. Một lỗ thông hơi mở, mặt nạ không thấm nước cung cấp nồng độ oxy cao với ống 2m Có túi, dùng cho người lớn.	Cái	40
71	Mặt nạ oxy có túi trẻ em	Được làm bằng nhựa PVC, điều chỉnh mũi được, dây đeo đàn hồi. Một lỗ thông hơi mở, mặt nạ không thấm nước cung cấp nồng độ oxy cao với ống 2m. Có túi, dùng cho trẻ em.	Cái	40
72	Mặt nạ thanh quản người lớn	Gồm: Ống thở, mặt nạ và đường bơm khí. Dùng cho người lớn.	Cái	40
73	Mặt nạ thanh quản trẻ em	Gồm: Ống thở, mặt nạ và đường bơm khí. Dùng cho trẻ em.	Cái	40
74	Miếng dán Điện cực tim	Chất liệu PE-foam, độ bám dính cao, không để lại chất kết dính.	Miếng	1.000
75	Mũ phẫu thuật vô trùng	Vô trùng.	Cái	6.000
76	Ống đặt nội khí quản có bóng người lớn	Có bóng, dùng cho người lớn	Cái	100
77	Ống đặt nội khí quản có bóng trẻ em	Có bóng, dùng cho trẻ em	Cái	20
78	Ống đặt nội khí quản lò xo người lớn	Loại có lò xo, được làm từ nguyên liệu PVC trắng silicon trong suốt, không chứa chất độc hại nhằm bảo vệ các mô mềm, nhạy cảm, có thể chịu được lực và xoắn nút. Có đầu nối tiêu chuẩn 15mm để đảm bảo tính tương hợp với các đầu nối tròn. Đầu ống trơn nhẵn giúp cho việc đặt ống vào nội khí quản trong việc giải phẫu, có vạch chia độ dài 1cm. Sản phẩm vô trùng, dùng 1 lần. Dùng cho người lớn	Cái	10

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
79	Ống đặt nội khí quản lò xo trẻ em	Loại có lò xo, được làm từ nguyên liệu PVC trắng silicon trong suốt, không chứa chất độc hại nhằm bảo vệ các mô mềm, nhạy cảm, có thể chịu được lực và xoắn nút. Có đầu nối tiêu chuẩn 15mm để đảm bảo tính tương hợp với các đầu nối tròn. Đầu ống trơn nhẵn giúp cho việc đặt ống vào nội khí quản trong việc giải phẫu, có vạch chia độ dài 1cm. Sản phẩm vô trùng, dùng 1 lần. Dùng cho trẻ em.	Cái	10
80	Ống hút nhót người lớn có khóa 16		Cái	600
81	Ống hút nhót trẻ em có nắp số 8		Cái	500
82	Ống thông tiểu 1 nhánh	1 nhánh. Chất liệu cao su, bề mặt ống phủ Silicone , độ cong thích hợp. Trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da. Các số.	Cái	1.000
83	Ống thông tiểu 2 nhánh	2 nhánh. Chất liệu cao su, bề mặt ống phủ Silicone , độ cong thích hợp. Trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da. Các số.	Cái	200
84	Que đẽ lưỡi gỗ tiết trùng	Đã tiết trùng, bì 1 cái	Cái	100.000
85	Túi đo lượng máu sau sinh	Dung tích 2000ml. Chất liệu: màng nhựa PE trong. - Kích thước: 1.050mm x 700mm. - Đóng gói bằng giấy đóng gói tiết trùng- Tiết trùng bằng khí OE.	Cái	1.200
86	Túi đựng nước tiểu van T có dây	Dung tích 2.000ml có chia vạch, Tiết trùng bằng khí EO, Sản xuất bằng vật liệu nhựa không gây độc hại, không gây kích ứng.	Cái	500
87	Vòng tránh thai Pregna +Tcu 380A	Kích thước chiều rộng 32± 0.50 mm; chiều dài: - 36± 0.50 mm, được làm từ hợp chất của nhựa Polyethylene và Barium Sulphate. Trục ngang của Vòng tránh thai có quần dây đồng, đồng thời được rập thêm các mảnh đồng để làm tăng hàm lượng đồng. Trên khung chữ T, ở phần chân được buộc một sợi dây được làm từ nhựa PE tỉ trọng cao. Sợi dây này giúp cho người sử dụng dễ dàng kiểm tra và cũng giúp cho việc tháo vòng dễ dàng hơn.	Cái	300
	Cộng B.1: 87 danh mục			
	B.2 Sinh phẩm xét nghiệm			
1	CombiScreen 11SYS	Đo 11 thông số sinh hóa trong nước tiểu: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid	Test	10.000
2	Dengue NS1 Ag Rapid Test	Vùng cộng hợp: kháng thể chuột kháng Dengue Ag; Vạch kết quả: kháng thể thử kháng Dengue Ag; Vạch chứng: kháng thể dê kháng IgG chuột.	Test	10.000
3	Que thử đường huyết	Que thử đường huyết	Test	400

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
4	Quick Test Dengue IgG/IgM	Phát hiện kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1, 2, 3,, 4. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh/Máu toàn phần. Độ nhạy: 97,3%. Độ đặc hiệu: 98,1%.	Test	1.000
5	Test Ma túy 5 trong 1	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Methamphetamine (MET) – ma túy đá – Marijuana (THC) – cần sa – Methylenedioxymethamphetamine (MDMA) – Ecstasy, thuốc lắc – Morphine (MOP) – Ketamine (KET)	Test	10.000
6	Quick Test H.Pylori	"Phát hiện định tính kháng thể kháng H.Pylori trong huyết thanh hoặc huyết tương. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Độ nhạy: 99,5%. Độ đặc hiệu: 99,2%.	Test	2.000
7	Quick Test HBsAg	Phát hiện định tính kháng nguyên virus viêm gan B. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh	Test	1.200
8	Quick Test HCV	Phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C. Không sử dụng dung dịch đệm. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,2%.	Test	1.200
9	Quick Test HIV 1&2	Phát hiện định tính kháng thể kháng virus HIV type 1 và type 2. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,5%.	Test	500
10	Anti A	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai	Lọ	1
11	Anti B	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai	Lọ	1
12	Anti AB	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai	Lọ	1
	Cộng B.2: 12 danh mục			
	B.3: Sinh phẩm sử dụng cho Máy xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang Standard F200			
1	Test định lượng HbA1c	Định lượng HbA1c. Thời gian đọc kết quả 3 phút. CV < 3%. Mẫu: Máu toàn phần. Là test thử theo máy. Test có code 2D quản lý hạn sử dụng và loại xét nghiệm thực hiện. Hạn dùng 18 tháng kể từ ngày sản xuất.	Test	400

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
2	Test xét nghiệm phát hiện kháng thể IgG/IgM kháng virus Dengue	Phát hiện định tính và phân biệt các kháng thể IgM/IgG chống lại vi rút sốt xuất huyết trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần người. - Độ nhạy tương quan: 97.4 % (đối với Dengue IgM); 97.2% (đối với Dengue IgG) so với ELISA. - Độ đặc hiệu tương quan: 96.6% (đối với Dengue IgM); 96.2% (đối với Dengue IgG) so với ELISA. Bảo quản: 2-40°C. - Kít thử ổn định ít nhất 5 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C. - Giới hạn phát hiện 3,9ug/ml với Dengue IgM/IgG. - HBV, Chikungunya IgG, Zika IgM, Syphilis Ab, HIV-1, HIV-2, HCV, CMV Ab, vi rút sốt vàng, Japanese encephalitis Ab, Tick borne encephalitis Ab, Epstein Barr IgM, Parvovirus B19 Ab, Varicella Zoster Ab không gây ra phản ứng chéo.	Test	300
3	Test xét nghiệm phát hiện kháng nguyên virus Dengue	Phát hiện các kháng nguyên NS1 của vi rút Dengue trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần người - Độ nhạy tương quan: 92,42 % (183/198) - Độ đặc hiệu tương quan: 98,7% (222/225) - Bảo quản: 2-40°C. - Kít thử ổn định ít nhất 8 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C - Giới hạn phát hiện (Đối với Den-1, 2, 3, 4) là: 3,9 ng/ml Không xảy ra phản ứng chéo với các chủng sau: Chikungunya vi rút, Zika vi rút, Streptococcus pneumoniae, Streptococcus pyogenes, Legionella pneumophila, Malaria Plasmodium falciparum, Malaria Plasmodium vivax, Influenza A (H1N1), Influenza A (H3N2), Influenza B, E.coli (k99), Salmonella (Typhi), Rotavirus typ I, Rotavirus typ II, Rotavirus typ III, Rotavirus typ IV, mẫu dương tính kháng nguyên HBV, Mẫu dương tính với CMV Ab, mẫu từ người đã tiêm phòng vaccin vi rút sốt vàng, Vi rút viêm não Nhật Bản, vi rút HAV, Rubella vi rút.	Test	2.000

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
4	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng H.pylori	- Phát hiện định tính các kháng thể đặc hiệu với H.pylori trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 98.9% - Giới hạn phát hiện: 10 U/ml - Kit thử ổn định ít nhất 9 tháng ở nhiệt độ 55±1°C - Bảo quản: 2-40°C	Test	
5	Test phát hiện kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B	Phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) có mặt trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Không cần dung dịch đệm (lo Buffer). - Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu: 100% so với CLIA. - Ổn định 8 tuần tại 55 +/-1oC . Độ chính xác 100%. - Bảo quản: 2-40°C. Kết quả xét nghiệm ổn định tới 30 phút - Không phản ứng chéo với: Chikungunya, Zika, S.pneumoniae, S.pyogenese, Legionella pneumoniae, Malaria Plasmodium falciparum, Malaria Plasmodium vivax, Influenza A (H1N1, H3N2), Influenza B, E.coli (k99), Salmonella typhi, Rotavirus typ I, II, III, IV Hàm lượng: - Kháng thể đơn dòng kháng HBs: 0,75 ± 0,15µg - Kháng thể đơn dòng kháng IgY gà: 0,6 ± 0,12µg - Kháng thể đơn dòng kháng HBs- gắn keo vàng: 0,08± 0,16µg - IgY gà- gắn keo vàng: 0,015 ± 0,003µg - Giới hạn phát hiện: phát hiện được HBsAg chủng ADR và chủng AYW từ nồng độ 0.01562 µg/ml, và chủng ADW từ nồng độ 0.03125 µg/ml	Test	400
	Cộng B.3: 05 danh mục			
	B.4 Hoá chất sát khuẩn thông thường			
1	Dầu sả		Lít	500
2	Microshield 2% 500ml		Chai	50
3	Nước JaVen		Lít	200
4	Presept 2.5g		Viên	5.000
5	Vôi Soda hấp thụ CO2 dùng cho máy gây mê (Ventisorb Pink to White)	Vôi soda chuyển từ hồng sang trắng, (Net weight: 4.5kg ≈ Volume: 5 Litres). Cỡ hạt 2.5 -> 5.0mm.	Kg	5
6	Giêm sa mẹ (Đức)		Lít	1
7	Đỏ Fuchsin		Lít	1
8	Cồn acid		Lít	1
9	Xanh Methylen		Lít	1
	Cộng B.4: 09 danh mục			

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
	B.5: Vật tư xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh			
1	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet.	Cái	2.000
2	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước.	Cái	1.000
3	Lamen	Lamen 22x22	Hộp	2
4	Kim chích máu	Làm bằng thép, dùng để lấy máu	Hộp	80
5	Sample Cup	Cốc đựng mẫu	Cái	2.000
6	Lam kính	Lam kính bề mặt nhám	Hộp	40
7	Lam kính đầu mờ	Hộp lam kính một đầu mờ 7105 gồm 72 miếng một đầu mờ, kích thước 25.4 x 76.2mm. Độ dày của lam kính là 1 -1.2 mm. Lam kính này được sử dụng trong xét nghiệm. Thành phần sản phẩm là thủy tinh, không gây ảnh hưởng đến môi trường.	Hộp	20
8	Que tăm bông cán nhựa	Que tăm bông dài ≥ 15 cm, một đầu quấn bông gòn thấm nước, dùng để lấy bệnh phẩm	Que	1.000
9	Ống nghiệm có chất chống đông HEPARIN	Ống nghiệm Heparin (Sodium) chân không	Cái	10.000
10	Ống nghiệm EDTA	Ống nghiệm EDTA (K2) chân không	Cái	60.000
11	Ống nghiệm nhựa PS 5ml nắp trắng, không nhãn	Ống nghiệm được sản xuất bằng nhựa PP trắng đục tinh khiết trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong, đảm bảo các ống đồng nhất về kích thước và chất lượng	Cái	20.000
12	Cốc đờm	Nguyên liệu: nhựa PP Màu sắc: trắng trong Kích thước: Ø60mm x 35mm Sử dụng: đựng đờm, nước tiểu của bệnh nhân	Cái	1.000
13	Gel siêu âm	Không gây ra dị ứng, không gây kích ứng da, không chứa dầu, không chứa formaldehyde và muối, đảm bảo không gây hại, không có mùi hôi.	Thùng 4 can, Can 5 lít	200
14	Phim X-quang AGFA DRYSTAR DT 5.000I B 8x10inch (20x25cm)	Kích thước 8 x 10 inch (20x 25cm), DT 5000IB	Hộp 100 tờ	500
15	Phim X-quang nha khoa + thuốc rửa film		Hộp	

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
16	Giấy ghi kết quả đo điện tim Size: 63mm x 30m	Kích thước: 63mm x 30m, màu sọc cam	Cuộn	300
17	Giấy in nhiệt	Kích thước: 58mm x 30m	Cuộn	600
18	Giấy monitor sản khoa	152mm x 100mm x 150sh	Xấp	20
19	Giấy siêu âm trắng đen (110mm x 20m)	Kích thước: 110mm x 20m	Cuộn	600
20	Bóng đèn Halogen/Bóng Đèn Mỏ 24V 25W		Cái	50
	Cộng B.5: 20 danh mục			
	B.6: Dụng cụ y tế Trạm y tế			
1	Bộ đặt nội khí quản trẻ sơ sinh		Bộ	2
2	Bộ đặt vòng	Bộ gồm: 01 mỏ vịt trung, 01 móc vòng, 01 thước đo tử cung, 01pence thẳng 20cm, 01 kéo cong nhọn 16cm, 01 kẹp bông gạc, 01 hộp đựng dụng cụ 19*33cm, 01 kẹp Pozzy	Cái	1
3	Đồng hồ oxy	Dùng để đo nồng độ oxy, Lưu lượng: 1 - 15 lít/phút.	Bộ	20
4	Huyết áp điện tử		Cái	7
5	Huyết áp cơ người lớn	Gồm máy đo huyết áp và ống nghe	Bộ	30
6	Kéo cắt chỉ	Kéo thẳng nhọn 2 đầu, làm từ thép không gỉ, dùng cắt chỉ, dài 16cm	Cái	60
7	Mỏ vịt cỡ trung		Cái	5
8	Nhiệt kế điện tử		Cái	5
9	Nhiệt kế thủy ngân kẹp nách ALPOK2	Nhiệt kế 42 độ C, bằng thủy tinh, đo nhiệt độ bằng thủy ngân.	Cái	300
10	Đèn gù (Khám phụ khoa)		Cái	4
11	Túi y tế		Cái	1
12	Kéo thẳng nhọn		Cái	30
13	Kéo cắt chỉ		Cái	30
14	Kiểm kẹp kim 20cm		Cái	30
15	Panh kẹp (thẳng)		Cái	20
16	Bộ đặt vòng	Bộ gồm: 01 mỏ vịt trung, 01 móc vòng, 01 thước đo tử cung, 01pence thẳng 20cm, 01 kéo cong nhọn 16cm, 01 kẹp bông gạc, 01 hộp đựng dụng cụ 19*33cm, 01 kẹp Pozzy	Cái	50
17	Mỏ vịt cỡ trung		Cái	5
18	Panh dài không máu thẳng 25 cm		Cái	2
19	Pence thẳng có máu 16cm, 20cm		cái	20
20	Panh kẹp kim khâu		Cái	1

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
21	Nồi luộc dụng cụ		Cái	4
22	Cáng khiêng bệnh nhân	dùng để vận chuyển bệnh nhân trong các bệnh viện, phòng khám, các cơ sở khám chữa bệnh y tế, vận chuyển...	Cái	1
23	Cân sơ sinh lòng máng		Cái	16
24	Cân 100kg		cái	16
25	Thước đo chiều cao		cái	16
26	Bảng đo thị lực	bảng đo chữ ZU	Cái	17
	Cộng B.6: 26 danh mục			
	B.7: Bep vít các loại			
1	Nẹp DCP bản hẹp (vừa) 12 lỗ (Nẹp cẳng chân 12 lỗ)		Cái	2
2	Nẹp DCP bản hẹp (vừa) 6 lỗ (Nẹp cẳng chân 6 lỗ)		Cái	2
3	Nẹp DCP bản hẹp (vừa) 8 lỗ (Nẹp cẳng chân 8 lỗ)		Cái	2
4	Nẹp MC-DCP bản nhỏ 12 lỗ (Nẹp cẳng tay 12 lỗ)		Cái	2
5	Nẹp MC-DCP bản nhỏ 6 lỗ cho vít 3.5 (Nẹp cẳng tay 6 lỗ)		Cái	2
6	Nẹp MC-DCP bản nhỏ 8 lỗ cho vít 3.5 (Nẹp cẳng tay 8 lỗ)		Cái	2
7	Nẹp xương đòn chữ S 6 lỗ phải		Cái	2
8	Nẹp xương đòn chữ S 6 lỗ trái		Cái	2
9	Nẹp xương đòn thẳng 6 lỗ phải		Cái	2
10	Nẹp xương đòn thẳng 6 lỗ trái		Cái	2
11	Đinh Kirschner nhọn 2 đầu, các cỡ		Cái	20
12	Vít khóa xóp 3.5mm ren toàn phần dài 60 mm		Cái	10
13	Vít xương cứng 3.5mm đường kính ren 1.75, dài các cỡ		Cái	2
14	Vít xương cứng 4.5mm đường kính ren 1.75, dài các cỡ		Cái	10
15	Vít xương xóp 6.5mm ren toàn phần dài 80 mm		Cái	10

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
16	Bộ nẹp gỗ tay chân	Bộ nẹp gỗ tay chân bao gồm 10 cây: - 20cm(Dài) x 6(Rộng) x 1(Dày) cm - 25(Dài) x 6(Rộng) x 1(Dày) cm - 35(Dài) x 6(Rộng) x 1(Dày) cm - 40(Dài) x 6(Rộng) x 1(Dày) cm - 45(Dài) x 6(Rộng) x 1(Dày) cm - 50(Dài) x 6(Rộng) x 1(Dày) cm - 60(Dài) x 6(Rộng) x 1(Dày) cm - 70(Dài) x 7(Rộng) x 1(Dày) cm - 80(Dài) x 7(Rộng) x 1(Dày) cm - 110(Dài) x 7(Rộng) x 1(Dày) cm Kích thước trọn bộ: 110(Dài) x 7(Rộng) x 10.5(Dày) cm Trọng lượng khoảng: 1kg	Bộ	40
17	Nẹp gỗ 110cm	Sản phẩm đã được gia công mài mịn các bề mặt. Màu sắc và vân gỗ tự nhiên.	Cái	100
18	Nẹp gỗ 40cm	Sản phẩm đã được gia công mài mịn các bề mặt. Màu sắc và vân gỗ tự nhiên.	Cái	100
19	Nẹp gỗ 60cm	Sản phẩm đã được gia công mài mịn các bề mặt. Màu sắc và vân gỗ tự nhiên.	Cái	100
20	Nẹp gỗ 80cm	Sản phẩm đã được gia công mài mịn các bề mặt. Màu sắc và vân gỗ tự nhiên.	Cái	100
	Cộng B.7: 20 danh mục			
	Tổng cộng phần B: 178 danh mục			

Phần C: Vật tư Nha khoa

Stt	Danh mục hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng kế hoạch 2025-2026
1	Ly nhựa nha khoa	Chất liệu: Nhựa PS	Cái	6.000
2	Lenlulo	Đây là dụng cụ nha khoa đưa chất hàn răng vào ống tủy với chuôi bằng thép không gỉ	Hộp	10
3	Mũi khoan tròn các số	Dạng kim cương nhân tạo, dùng cho RHM	Mũi	200
4	Mũi khoan Ngọn lửa vạch vàng, vạch đỏ	Dạng kim cương nhân tạo, dùng cho RHM	Mũi	200
5	Mũi khoan Hoàn tất vạch vàng, đỏ	Dạng kim cương nhân tạo, dùng cho RHM	Mũi	200
6	Trâm gai	Dùng để lấy tủy răng, chiều dài: 21mm, các kích cỡ	Hộp	40
7	Reamer các số	Dùng sửa soạn, mở rộng ống tủy.	Vì	40
8	Mũi khoan Endo Z	Đây là mũi khoan dùng trong nha khoa làm bằng thép không gỉ. Vĩ/ 10 cái	Cái	20
9	Cọ tấm bông bôi keo trám răng (vàng, xanh)	Dùng để quét keo dán nha khoa sử dụng một lần.	Hộp	20
10	Đai nhám kẻ	Sợi nhám kẻ siêu mỏng nhưng rất chắc chắn. Bền chắc dẻo dai với nhiều độ mịn khác nhau.	Hộp	2
11	Eugenol	Thành phần là dầu Eugenol dùng phối trộn với oxid kẽm làm giảm đau trong thủ thuật nha khoa, thể tích tối thiểu 30ml/chai	Lọ	4
12	Canxi Hydroxid	Bột Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong chữa trị ống tủy	Lọ	8

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
13	Zinc oxid	Không chứa thạch tín, là oxide kẽm nguyên chất dùng trám tạm	Lọ	3
14	Etching	Dung dịch Etchant nhòen màu xanh chứa phosphoric 37% và benzalkonium chloride; dùng để bôi lên bề mặt men răng trước khi đặt vật liệu phục hình; rửa các bề mặt sứ, kim loại và composite trước khi bôi adhesive	Tuýp	10
15	Ống hút nước bọt	Kích thước: ống Ø6,5 mm - chiều dài 140 mm. Ống nhựa trong, có dây kim loại được che kín trong thành ống.	Gói	60
16	CMC	Dung dịch sát trùng nhanh dùng trong điều trị nhiễm trùng tủy và đỉnh tủy	Lọ	4
17	Composide lỏng A2	Composite lỏng, bền, bề mặt cực mịn, dùng trám ổ sâu nhỏ, bít các vết nứt	Tuýp	10
18	Composide lỏng A3	Composite lỏng, bền, bề mặt cực mịn, dùng trám ổ sâu nhỏ, bít các vết nứt	Tuýp	10
19	Composide lỏng A3.5	Composite lỏng, bền, bề mặt cực mịn, dùng trám ổ sâu nhỏ, bít các vết nứt	Tuýp	3
20	Caviton	Chất hàn tạm dùng trong nha khoa màu trắng	Lọ	10
21	Giấy cắn 2 mặt	Giấy cắn chuyên dùng ghi lại tình trạng khớp cắn của các răng thật tự nhiên, các phục hồi răng nhựa hoặc sứ	Hộp	10
22	Caviwipes 1 (giấy lau)	Khăn lau khử khuẩn bề mặt trang thiết bị y tế CaviWipes1.	Hộp	10
23	Kẹp gấp nha khoa	Được làm từ chất liệu không gỉ. Chiều dài: 16cm.Được sử dụng để gấp bông gòn, bông gạc trong nha khoa.	Cái	40
24	Hyposol	Dùng để rửa và sát trùng tủy trong điều trị nội nha	Chai	6
25	Gương nha khoa	Chất liệu thép không gỉ	Cái	48
26	Cây nạo ngà	Là dụng cụ dùng để lấy mô ngà sâu, tủy răng và xi măng trám tạm. Cây có 2 đầu, một đầu hướng về bên trái, một đầu hướng về bên phải. Ø 2.0mm	Cái	4
27	Composide đặc A2	Là vật liệu composite quang trùng hợp, mang lại những lợi thế đáng kể về tính thẩm mỹ, khả năng đánh bóng, khả năng chống mài mòn và độ bền gãy	Tuýp	20
28	Composide đặc A3	Là vật liệu composite quang trùng hợp, mang lại những lợi thế đáng kể về tính thẩm mỹ, khả năng đánh bóng, khả năng chống mài mòn và độ bền gãy	Tuýp	20
29	Composide đặc A3.5	Là vật liệu composite quang trùng hợp, mang lại những lợi thế đáng kể về tính thẩm mỹ, khả năng đánh bóng, khả năng chống mài mòn và độ bền gãy	Tuýp	6
30	Dầu tay khoan	Làm sạch nhanh, hiệu quả và bôi trơn tất cả các loại tay khoan nhanh, tay khoan chậm, motor hơi.	Chai	4
31	Chỉ co nướu cầm máu	Dùng để tách nướu trước khi lấy dấu, trám xoang II,kiểm soát dịch nướu trong quá trình điều trị nhạy cảm cổ răng. Có chất co mạch. Chỉ co lợi được làm theo cấu trúc vòng xoắn, không bị bật ra, cố định được vị trí muốn đặt chỉ.	Lọ	2
32	Fuji 9 (15g)	Tăng cường phóng thích Fluoride, vật liệu trám glass ionomer cân quang dành cho răng	Hộp	14

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
33	Keo dán vật liệu trám răng (1 bước)	Keo dán hóa học vững chắc với ngà và men. Có thể làm ngưng dịch luân chuyển vào ống ngà và ngăn chặn sự ê buốt, nhạy cảm	Lọ	14
34	Bộ đánh bóng Super-Snap-Minikir	4 màu theo độ mịn khác nhau (48 đĩa) (đen, tím , xanh, đỏ) đường kính 12mm và 8mm. 1 mũi đánh bóng composite mịn, 1 trục lắp. Hộp/24 cái	Hộp	5
35	Chổi đánh bóng	Đánh bóng cao vôi, làm sạch bề mặt răng khi sửa soạn gắn/dán với các vật liệu khác. Hộp/144 cái	Hộp	4
36	Sò đánh bóng	Là bột đánh bóng sau cao vôi, mùi vị tuyệt vời với nhiều hương, mịn, dùng loại bỏ mảng bám... Hộp / 200 viên	Viên	1.600
37	Dung dịch khử khuẩn bề mặt trang thiết bị y tế	Chai 710ml	Chai	6
38	Côn gutta percha có vạch chia	Số 15, 20, 30,35	Hộp	40
39	Côn giấy Pearl endopia	Số 20,25, 30	Hộp	10
40	Trám bít ống tủy Endoseal Prevest	Hộp 20gram bột + 10ml nước	Hộp	4
41	Trám bít ống tủy	Hộp 25g	hộp	2
42	Thám Trâm	Thám trâm được dùng để định vị các lỗ ống tủy, có hai đầu dài, một đầu cong, một đầu nghiêng, nhọn và sắc bén.	cái	40
43	Cán gương	Chất liệu thép không gỉ	cái	40
44	Vaseline	Được sử dụng như chất cách ly trong nha khoa bôi bảo vệ môi trong quá trình chiếu đèn tẩy trắng. Lọ/20g	lọ	6
45	Mũi lấy cao răng	(8 cây trên nướu và 2 cây dưới nướu)	cái	10
46	Thước đo chiều dài ống tủy		cái	2
47	Bơm tiêm nha khoa		cái	2
48	đai trám nhựa cenlulo	Cực mỏng và rất linh hoạt. Khít cho tất cả các bề mặt răng	hộp	4
49	Đai trám kim loại		hộp	4
50	cây Trám 2 đầu		cái	5
51	cây trám thẩm mỹ (không dính)		cái	5
52	khuôn Trám răng		cái	2
53	Mũi đánh bóng composite		cái	50
54	Diệt tủy devital	Thành phần: Polyoxymethylene, Lidocaine hydrochloride, Eugenol	Hộp	4
	Tổng cộng 54 danh mục			
	Tổng cộng phần C: 54 danh mục			
Phần D: Thiết bị y tế				

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự trù 2025-2026
1	Đèn đọc phim MRI,CT, X-QUANG	Đèn đọc phim dùng đọc phim MRI, CT, X-Quang,sử dụng độ sáng ở bề mặt trước,tự động bật sáng khi cài phim hoặc công tắc tiện dụng tay, ánh sáng đồng đều,trên giá đỡ, giá để bàn hoặc treo tường, nguồn điện: 220VAC, khung đèn inox, bóng đèn led, tăng phô , dimmer điều chỉnh độ sáng , dây điện 2m, kích thước: 45cmx72cm. Đọc 2 phim.	Cái	4
2	Máy điện châm		Cái	10
3	Đèn gù sản khoa	Dùng trong khám phụ khoa	Cái	4
4	Đèn hồng ngoại	Đèn hồng ngoại tập trung các tia sáng điện từ hồng ngoại, cung cấp nhiệt cho cơ thể, nhằm điều trị các bệnh lý trong y khoa và chăm sóc sức khỏe, điều trị các bệnh lý: Đau, sưng, phù nề, bầm tím, gout, chứng căng cơ, chứng căng thẳng, mệt mỏi, bệnh tai mũi họng, nhanh chóng làm lành vết thương, sản khoa, sởi ỉa... chiều cao đèn 1,7 mét, đế rộng 16cm, dây dẫn điện 1,8m được gắn chặt với nhau,Cổ định vị xoay linh động đến gần 360°, khoảng rộng 30cm+30cm, đuôi đèn ceramic E27 sử dụng nhiều loại bóng đèn, vỏ đèn làm bằng inox, chóa đèn chất liệu nhôm, bóng đèn hồng ngoại, hình bầu dục, vỏ bóng tròn màu hồng hoặc màu đỏ hồng ngoại.	Cái	10
5	Máy Nội nha không dây		cái	1
6	Trâm máy điều trị nội nha		hộp	10
7	Tủ tia cực tím cửa đôi		cái	1
8	Tay khoan nhanh		cái	2
9	Tay khoan chậm		cái	1
10	Đèn trám Thẩm mỹ		cái	2
11	Tay khoan chếch 45 độ có đèn		cái	2
12	Mũi khoan cắt răng		cái	50
	Tổng cộng phần D: 12 danh mục			
PHẦN E: KHÍ Y TẾ				
1	Khí Oxy Y tế loại lớn 40 lít	Độ tinh khiết 99.6%	Bình	200
2	Khí Oxy Y tế loại nhỏ 10 lít	Độ tinh khiết 99.6%	Bình	20
	Tổng cộng phần E: 02 khoản.			
	Tổng cộng: A+B+C+D+E: 282 danh mục			